|  |
| --- |
|  |

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Doanh nghiệp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Điều 26 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ, biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi thành CT hợp danh, CT trách nhiệm hữu hạn, CT cổ phần: Bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 22,23,24 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP (tương ứng với loại hình DN chuyển đổi), không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo phải gồm các giấy tờ: |  |
| a | Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; |   |
| b | Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó; |   |
| c | Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân; |   |
| d | Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; |   |
| e | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. |   |
| 2 | Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 NĐ số 01/2021/NĐ-CP (tương ứng với loại hình DN chuyển đổi), không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo phải gồm các giấy tờ: |  |
| a | Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; |   |
| b | Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác và giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới |   |
| c | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. |   |
| 3 | Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 24 NĐ số 01/2021/NĐ-CP (tương ứng với loại hình DN chuyển đổi), không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo phải gồm các giấy tờ: |  |
| a | Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; Hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty |   |
| b | Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; |   |
| c | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. |   |
| 6.4 | Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần và ngược lại: hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm các giấy tờ quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, trong đó không bao gồm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kèm theo phải gồm các giấy tờ: |  |
| a | Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nghị quyết và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển đổi công ty;  |   |
| b | Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; |   |
| c | Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới; |   |
| d | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư. |   |

\* Doanh nghiệp có thể đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26 NĐ 01/2021/NĐ-CP.

\* Trường hợp doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đồng thời đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký hồ sơ là Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; Chủ tịch công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần của công ty sau chuyển đổi.

\* Giấy tờ pháp lý của cá nhân (quy định tại Điều 11 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP):

- Công dân Việt Nam: Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân., hộ chiếu còn hiệu lực

- Người nước ngoài: Hộ chiếu còn hiệu lực

\* Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt công chứng (quy định tại Điều 11 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP)

\* Trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (quy định tại Điều 12 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP), hồ sơ phải nộp kèm theo:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:

- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được ủy quyền

- Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp:

- Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

- Giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được giới thiệu.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định

Bước 2: Nộp hồ sơ

Để triển khai áp dụng hiệu quả quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, cũng như tạo điều kiện hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí và thời gian cho cả người dân, doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên môi trường mạng điện tử .

- Nộp hồ sơ qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền sử dụng Chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử (quy định tại Điều 42 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).

*Xem hướng dẫn và thực hiện tại* <https://dangkyquamang.dkkd.gov.vn/>

- Khi nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Bước 3: Nhận kết quả

Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nhận kết quả

- Trường hợp nhận kết quả trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng, số 1 Đinh Tiên Hoàng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng.

*(Khi đến nhận kết quả, Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền mang theo Giấy tờ pháp lý cá nhân hoặc bản sao công chứng Giấy tờ pháp lý cá nhân)*

- Trường hợp nhận kết quả qua Bưu chính công ích: Để nhận kết quả qua Bưu chính công ích, người nộp hồ sơ nộp kèm Giấy đề nghị nhận kết quả qua Bưu chính công ích khi nộp hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ gửi trả kết quả tới người nhận theo địa chỉ ghi tại Giấy đề nghị nhận kết quả qua Bưu chính công ích.

\* Lệ phí:

Hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử được miễn lệ phí theo quy định tại Thông tư số 130/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính